

Số: 563 /UBND-NN
V/v chấp thuận danh mục công
trình xã nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn huyện Tiên Lãng năm 2023

Hải Phòng, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới;
- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng tại Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 08/3/2023; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới tại Văn bản số 748/SNN-NTM ngày 14/3/2023 về việc chấp thuận danh mục công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiên Lãng năm 2023 (gửi kèm theo).

Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương triển khai các công trình hạ tầng xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 xã của huyện Tiên Lãng từ năm 2023, hoàn thành năm 2024 như đề nghị tại các Văn bản trên theo hướng cụ thể như sau.

1.1. Xã Tự Cường

Triển khai thực hiện 3 loại công trình, gồm:

a) Giao thông

Đầu tư 21 công trình giao thông, với tổng chiều dài 10,886 km.

Trong đó:

- Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m): 02 công trình, tổng chiều dài 1,07 km.
- Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 03 công trình, tổng chiều dài 1,554 km.
- Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 06 công trình, tổng chiều dài 3,843 km.
- Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 10 công trình, tổng chiều dài 4,419 km.

b) Trường học

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: xây dựng 06 phòng học; 03 phòng chức năng; nhà vệ sinh; san lấp, lát sân, xây tường rào để trường Mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 02; Xây dựng dãy nhà 03 phòng học; nhà vệ sinh, nhà để xe cho

[Chữ ký]

học sinh để trường Tiểu học đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1; Xây mới nhà 02 tầng 06 phòng học, mở rộng nhà để xe, nhà vệ sinh để Trường THCS đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Y tế

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Sửa chữa làm lại mái; khu phòng, nhà khám bệnh (ốp tường gạch men, trần, sơn thay cửa...), xây lại cổng, sửa chữa, sơn lại tường rào...

1.2. Xã Bạch Đằng

Triển khai thực hiện 4 loại công trình, gồm:

a) Giao thông

Đầu tư 19 công trình giao thông, với tổng chiều dài 7,628 km

Trong đó:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 01 công trình chiều dài 1,275 km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 1,526 km.

+ Đường trục thôn (loại 5,5m): 4 công trình, tổng chiều dài 0,88 km

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 13 công trình, tổng chiều dài 3,947 km.

b) Trường học

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Xây mới nhà đa năng; xây mới nhà 02 tầng gồm: khu bếp và phòng ăn, phòng học chức năng của học sinh; mở rộng diện tích trường, xây mới tường bao phần diện tích mở rộng... trường Tiểu học để đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Cải tạo nâng cấp sân, cổng; nâng cấp nhà bếp ăn ... trường Mầm non đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1; Xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh trường THCS đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: trát lại tường, làm lại mái, hệ thống cửa..., xây dựng mới nhà vệ sinh của 05 nhà văn hoá thôn.

d) Y tế

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Sơn sửa lại tường nhà khám chữa bệnh, xây dựng mới nhà vệ sinh, nâng nền vườn cây thuốc nam ...

1.3. Xã Tây Hưng

Triển khai thực hiện 4 loại công trình, gồm:

a) Giao thông

Đầu tư 12 công trình đường giao thông, với tổng chiều dài 12,17 km

Trong đó:

Handwritten signature

- Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m): 01 công trình, với chiều dài 0,79 km
- Đường trục thôn (loại 5,5m): 04 công trình, với tổng chiều dài 4,88 km
- Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đầu tư 07 công trình, với chiều dài 6,5km

b) Trường học

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Xây dựng nhà đa năng, bếp ăn, nhà vệ sinh và hệ thống phòng cháy chữa cháy... trường Tiểu học để đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Xây dựng mới nhà 2 tầng 4 phòng: bếp ăn, phòng học chức năng... trường Mầm non để đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1; xây dựng mới nhà 2 tầng, 8 phòng học; cải tạo nâng cấp nhà hiệu bộ, sân, cổng, tường bao; xây mới nhà vệ sinh, nhà bảo vệ; phòng cháy chữa cháy... trường THCS để đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Làm lại mái tôn chống nóng, trát lại tường, cải tạo sân, nhà vệ sinh, tường rào, hệ thống thoát nước... 04 nhà văn hoá thôn.

d) Y tế

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: đường vào, sân, hệ thống thoát nước, ốp tường.

1.4. Xã Hùng Thắng

Triển khai thực hiện 3 loại công trình, gồm:

a) Giao thông

Đầu tư 24 công trình đường giao thông, với tổng chiều dài 12,507 km

Trong đó:

- Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 0,822 km.
- Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 7 công trình, tổng chiều dài 5,547 km.
- Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 16 công trình, tổng chiều dài 6,138 km.

b) Trường học

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Xây dựng mới nhà lớp học chức năng 2 tầng, 4 phòng; sân vườn, hệ thống thoát nước trường Mầm non để đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Cải tạo nâng cấp dãy nhà A, dãy nhà C và khu hiệu bộ trường Tiểu học đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: Thay lại hệ thống cửa, sơn lại tường, tường rào sắt lát gạch, lợp lại mái tôn ... nhà văn hoá thôn 8.

1.5. Xã Vinh Quang

Triển khai thực hiện 3 loại công trình, gồm:

Handwritten signature or mark

a) Giao thông

Đầu tư 21 công trình đường giao thông với tổng chiều dài 22,99 km

Trong đó:

- Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 1,1 km.
- Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 13 công trình, tổng chiều dài 17,57 km.
- Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 07 công trình, tổng chiều dài 4,32 km.

b) Trường học

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: xây dựng nhà 3 tầng, 12 phòng, nhà đa năng, bếp ăn, tường rào, hệ thống PCCC trường Tiểu học Vinh Quang để đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; Xây dựng nhà 2 tầng, 10 phòng, PCCC, bể nước sửa chữa nhà hiệu bộ ... trường Tiểu học Tiên Hưng đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1; Sửa chữa 6 phòng học tại khu trung tâm, xây mới nhà lớp học 3 tầng, 6 phòng, PCCC, bể nước, nhà để xe... trường THCS Vinh Quang đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

Đầu tư nâng cấp, cải tạo: làm lại cổng, trần nhà, trát lại tường, đường điện, rãnh thoát nước, sơn sửa tường rào, nâng cấp sân ... 03 nhà văn hoá thôn.

2. Đồng ý chủ trương sử dụng nguồn kinh phí xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu các xã triển khai từ năm 2023, hoàn thành năm 2024 của huyện Tiên Lãng chưa sử dụng hết (*theo định mức phân bổ trung bình 125 tỷ/xã*) để triển khai thực hiện công trình sau:

- Dự án xây dựng tuyến đường từ đường huyện vào Cụm công nghiệp Quang Phục.

3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng:

- Triển khai, thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn các xã, ưu tiên ngân sách huyện, huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp (*đặc biệt là giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tự nguyện hiến tặng đất để đầu tư các công trình*) để hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 (*nhất là đối với hạng mục trồng cây xanh trên các tuyến đường*), đảm bảo mục tiêu: năm 2023, 5/5 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; năm 2024, 5/5 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ, kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện;

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát kỹ về hiện trạng, nội dung, quy mô, kinh phí đầu tư, các giải pháp thiết kế tận dụng tối đa các công trình đã được đầu tư liên quan, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, đúng quy định. Chịu trách nhiệm về

ad

tính chính xác trong việc đánh giá, xác định hiện trạng các công trình huyện đề xuất đầu tư;

- Triển khai các trình tự, thủ tục đầu tư và tổ chức thiết kế, thi công các công trình đã được chấp thuận chủ trương tại Mục 1, Mục 2 văn bản này trên địa bàn đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng công trình, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí;

- Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố để chỉ đạo, giải quyết.

- Đối với các công trình xử lý nước thải, sẽ thực hiện đầu tư sau khi hoàn thành xây dựng, đánh giá hiệu quả đầu tư thí điểm 04 mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt hiện nay đang triển khai thực hiện tại 04 xã (Thanh Sơn - Kiến Thụy; Nhân Hoà - Vĩnh Bảo; Quang Phục - Tiên Lãng; An Thắng - An Lão).

4. Giao các Sở, ngành thành phố: Căn cứ nội dung, nhiệm vụ, tiêu chí, chỉ tiêu được giao, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc huyện Tiên Lãng triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

5. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng triển khai thực hiện đầu tư các công trình từ nguồn vốn tiết kiệm đảm bảo theo đúng quy định.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại huyện Tiên Lãng.

Thừa lệnh Ủy ban nhân dân thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố thông báo để Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng và các Sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở: VH TT, YT, TNMT;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: NNTNMT, NS&KTGS;
- CV: NN;
- Lưu: VT.

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Ngọc Tú

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 748 /SNN-NTM

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2023

V/v chấp thuận danh mục công trình
xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn
huyện Tiên Lãng năm 2023

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 8140.....
Ngày: 14/03/2023.....

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ

CT N.V.Tùng

PCT TT L.A.Quân

PCT L.K.Nam

PCT N.Đ.Thọ

PCT H.M.Cường

CVP N.N.Tú

PCVP T.H.Kiên

PCVP T.V.Thiên

PCVP P.A.Tuấn

P. XDGTCT

P. VX

P. NNTNMT

P. TCNS

P. NC&KTGS

P. TH

P. KSTTHC

VP BCSĐ

BAN TCD

P. HCTC

P. QTTV

TTTTTH

TTHN & NKTP

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025; trong đó: Vốn đầu tư công thành phố hỗ trợ trung bình 125 tỷ đồng/xã cho xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu. Năm 2023, thành phố triển khai xây dựng 35 xã nông thôn mới kiểu mẫu để hoàn thành vào năm 2024 (trong đó huyện Tiên Lãng triển khai 05 xã);

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại các Thông báo số: 80/TB-VP ngày 22/9/2022; trong đó, Giao Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố chủ trì, cùng các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá và Thể thao, Y tế và các ngành liên quan kiểm tra mức độ hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn các huyện và danh mục công trình xã nông thôn mới theo đề xuất của các huyện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố. Yêu cầu các địa phương phải làm rõ hiện trạng cụ thể các công trình, nhu cầu đầu tư xây dựng để đảm bảo các công trình đầu tư tuân thủ theo quy định của pháp luật, phát huy hiệu quả, tiết kiệm đầu tư, tránh lãng phí và hoàn thành tiêu chí đề ra. Kết luận số 30/TB-UBND ngày 31/01/2023 của chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo danh mục công trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại 14 xã triển khai từ năm 2023 và hoàn thành năm 2024 của các huyện Thủy Nguyên, Kiến Thụy;

Ngày 03/02/2023, Ủy ban nhân dân thành phố đã nghe huyện Tiên Lãng báo cáo rà soát, đề xuất danh mục công trình 05 xã (gồm: Tự Cường, Bạch Đằng, Hùng Thắng, Tây Hưng, Vinh Quang) xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023-2024; Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và tham gia góp ý của các sở ngành tại cuộc họp. Ngày 08/03/2023, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng có Văn bản số 20/TTr-UBND về việc đề xuất danh mục và kinh phí xây dựng công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu 05 xã năm 2023 trên địa bàn huyện Tiên Lãng. (Gửi kèm theo);

Trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng, ý kiến của các Sở, ngành liên quan (gửi kèm theo ý kiến của các Sở Giao thông Vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Y tế), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, như sau:

I. Về danh mục công trình

1.1. Xã Tự Cường

a) Giao thông

- **Hiện trạng:** Tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã là 20,278 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 0,92 km; 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 3,21 km; trong đó 100 tiêu chí% chưa đạt

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 6,566 km. Trong đó: 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 9,582 km. Trong đó: 93% chưa đạt tiêu chí.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** 21 công trình, đường giao thông, tổng chiều dài 10,886 km. Cụ thể:

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m): 02 công trình, tổng chiều dài 1,07 km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 03 công trình, tổng chiều dài 1,554 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 06 công trình, tổng chiều dài 3,843 km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 10 công trình, tổng chiều dài 4,419 km.

- **Kết quả sau đầu tư:**

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): đạt tỷ lệ 74%, tương ứng 0,68 km/0,92 km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): đạt tỷ lệ 48%, tương ứng 1,554 km/3,21 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): đạt 59%, tương ứng 3,843 km/5,803 km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đạt 53%, tương ứng 5,069 km/9,582 km

b) Trường học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 03 trường học các cấp, gồm: Trường Mầm non và Trường Trung học cơ sở chưa đạt chuẩn mức độ 1; Trường Tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2004.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:**

+ Trường mầm non: xây dựng 06 phòng học; 03 phòng chức; nhà vệ sinh; san lấp, lát sân, xây tường rào.

+ Trường Tiểu học: Xây dựng dãy nhà 03 phòng học; nhà vệ sinh, nhà để xe cho học sinh.

+ Trường THCS: Xây mới nhà 02 tầng 06 phòng học, mở rộng nhà để xe, nhà vệ sinh.

- **Kết quả sau khi đầu tư:** Trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 02; Trường Tiểu học Trường THCS đảm bảo duy trì đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Y tế:

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã. Tuy nhiên, Trạm Y tế đã xuống cấp hư hỏng: các phòng chức năng, hệ thống công trình phụ trợ (sân, cổng, tường bao...)

✓ - **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** Sửa chữa làm lại mái; khu phòng, nhà khám bệnh (ốp tường gạch men, trần, sơn thay cửa...), xây lại cổng, sửa chữa, sơn lại tường rào...

- **Kết quả sau đầu tư:** Trạm Y tế đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã.

1.2. Xã Bạch Đằng

a) Giao thông

- **Hiện trạng:** Tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã 14,248 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 2,08 km. Trong đó: 62% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 3,58 km. Trong đó: 83% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 1,528 km. Trong đó: 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 7,06 km. Trong đó: 100% chưa đạt tiêu chí.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** 19 công trình đường giao thông, tổng chiều dài 7,628 km. Cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 01 công trình chiều dài 1,275 km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 1,526 km.

+ Đường trục thôn (loại 5,5m): 4 công trình, tổng chiều dài 0,88 km

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 13 công trình, tổng chiều dài 3,947 km.

- **Kết quả sau đầu tư:**

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): đạt tỷ lệ 100% tương ứng 2,08 km/2,08km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): đạt tỷ lệ 87%, tương ứng 3,12 km/3,58 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): đạt tỷ lệ 58%, tương ứng 0,88km/1,528km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đạt tỷ lệ 56%, tương ứng 3,947 km/7,06km.

b) Trường học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 03 trường học các cấp, gồm: 01 Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2018; 01 Trường Tiểu học đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2007; 01 Trường Trung học cơ sở đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2018.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo

+ Trường mầm non: Cải tạo nâng cấp sân, cổng; nâng cấp nhà bếp ăn...

+ Trường Tiểu học: Xây mới nhà đa năng; xây mới nhà 02 tầng gồm: khu bếp và phòng ăn, phòng học chức năng của học sinh; mở rộng diện tích trường, xây mới tường bao phân diện tích mở rộng...

+ Trường THCS: Xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh

- Kết quả sau đầu tư

+ Trường Tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2

+ Trường Mầm non, THCS đảm bảo duy trì tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 06 nhà văn hoá thôn đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động hội họp, thể dục thể thao của người dân. Tuy nhiên, các nhà văn hoá thôn nay đã xuống cấp hệ thống cửa, mái nhà, bong vữa tường; một số nhà văn hoá không có nhà vệ sinh ...

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** trát lại tường, làm lại mái, hệ thống cửa..., xây dựng mới nhà vệ sinh của 05 nhà văn hoá.

- **Kết quả sau đầu tư:** 100% thôn trên địa bàn xã có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao đảm bảo cho người dân của các thôn thực hiện các hoạt động văn hoá, thể thao, hội họp

d) Y tế

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã. Tuy nhiên, Trạm Y tế đã bong tróc tường, nhà vệ sinh xuống cấp, vườn thuốc nam trũng thấp...

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** Sơn sửa lại tường nhà khám chữa bệnh, xây dựng mới nhà vệ sinh, nâng nền vườn cây thuốc nam ...

- **Kết quả sau đầu tư:** Trạm Y tế phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã.

1.3. Xã Tây Hưng

a) Giao thông

- **Hiện trạng:** Tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã 22,152 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 0,79 km. Trong đó 100% chưa đạt tiêu chí

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 2,842 km. Trong đó 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 6,88 km. Trong đó: 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 11,64 km; trong đó, 100% chưa đạt tiêu chí.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** 12 công trình giao thông, tổng chiều dài 12,17 km, cụ thể

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m): 01 công trình, chiều dài 0,79 km

+ Đường trục thôn (loại 5,5m): 04 công trình, tổng chiều dài 4,88 km

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đầu tư 07 công trình, tổng chiều dài 6,5km.

- **Kết quả sau khi đầu tư:**

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): đạt tỷ lệ 100% tương ứng với 0,79 km/0,79 km.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): đạt tỷ lệ 28%, tương ứng 0,79 km/2,842 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): đạt 71%, tương ứng 4,88 km/6,88km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đạt 56%, tương ứng 6,5 km/11,64 km.

b) Trường học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 03 trường học các cấp, gồm: 01 Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2022; 01 Trường Tiểu học đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2001; 01 Trường Trung học cơ sở chưa đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:**

+ Trường Mầm non: Xây dựng mới nhà 2 tầng 4 phòng: bếp ăn, phòng học chức năng...

+ Trường Tiểu học: Xây dựng nhà đa năng, bếp ăn, nhà vệ sinh và hệ thống phòng cháy chữa cháy...

+ Trường THCS: xây dựng mới nhà 2 tầng, 8 phòng học; cải tạo nâng cấp nhà hiệu bộ, sân, cổng, tường bao; xây mới nhà vệ sinh, nhà bảo vệ; phòng cháy chữa cháy...

- Kết quả sau đầu tư:

+ Trường Mầm non, trường THCS đảm bảo duy trì tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

+ Trường Tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

c) Nhà văn hoá

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 04 nhà văn hoá thôn đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động hội họp, thể dục thể thao của người dân. Tuy nhiên, các nhà văn hoá đã xuống cấp, tường bong tróc, thấm dột, sân thấp trũng, không có hệ thống thoát nước...

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** Làm lại mái tôn chống nóng, trát lại tường, cải tạo sân, nhà vệ sinh, tường rào, hệ thống thoát nước... 04 nhà văn hoá thôn.

- **Kết quả sau đầu tư:** 100% thôn trên địa bàn xã có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao đảm bảo sinh hoạt văn hóa cho người dân của các thôn.

d) Y tế

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 01 Trạm Y tế phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã. Tuy nhiên, Trạm Y tế nền nhà 2 tầng xuống cấp, phòng rộp, tường nhà bong tróc, sân sụt lún trũng thụt.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** đường vào, sân, hệ thống thoát nước, ốp tường

- **Kết quả sau đầu tư:** Trạm Y tế phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh, tổ chức phòng dịch, tiêm phòng cho người dân trên địa bàn xã.

1.4. Xã Hùng Thắng

a) Giao thông

- **Hiện trạng:** Tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã 29,662 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 3,66 km; trong đó 100% đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 4,96 km, trong đó 72% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 9,832 km; trong đó, 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 11,21 km; trong đó, 100% chưa đạt tiêu chí.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** 24 công trình đường giao thông, tổng chiều dài 12,507 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 0,822 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 7 công trình, tổng chiều dài 5,547 km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 16 công trình, tổng chiều dài 6,138 km.

- **Kết quả sau khi đầu tư:**

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): đạt 45%, tương ứng 2,232 km/4,96 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): đạt 56%, tương ứng 5,547km/9,832 km

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đạt 55%, tương ứng 6,138 km/11,21 km.

b) Trường học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 03 trường học các cấp, gồm: Trường Mầm non và THCS chưa đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; 01 Trường Tiểu học đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2000;

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:**

+ Trường Mầm non: Xây dựng mới nhà lớp học chức năng 2 tầng, 4 phòng; sân vườn, hệ thống thoát nước.

+ Trường Tiểu học: Cải tạo nâng cấp dãy nhà A, dãy nhà C và khu hiệu bộ.

- **Kết quả sau đầu tư:**

+ Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

+ Trường Tiểu học đảm bảo duy trì tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 08 nhà văn hoá thôn đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động hội họp, thể dục thể thao của người dân. Trong đó, Nhà văn hoá thôn 8 đã xuống cấp tường bong tróc, hệ thống cửa hỏng...

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** Thay lại hệ thống cửa, sơn lại tường, tường rào sắt lát gạch, lợp lại mái tôn ... nhà văn hoá thôn 8.

- **Kết quả sau đầu tư:** 100% thôn trên địa bàn xã có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao đảm bảo sinh hoạt văn hóa cho người dân của các thôn.

1.5. Xã Vinh Quang

- **Hiện trạng:** Tổng chiều dài đường giao thông trên địa bàn xã 77,72 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): 1,7 km; trong đó 100% đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 11,35 km, trong đó 65% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 27,15 km; trong đó, 100% chưa đạt tiêu chí.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 37,52 km; trong đó, 60% chưa đạt tiêu chí.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** 21 công trình đường giao thông, tổng chiều dài 22,99 km, cụ thể:

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): 01 công trình, chiều dài 1,1 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): 13 công trình, tổng chiều dài 17,57 km.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): 07 công trình, tổng chiều dài 4,32 km.

- **Kết quả sau khi đầu tư:**

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): đạt 45%, tương ứng 5,1 km/11,35 km.

+ Đường trục chính thôn (loại 5,5m): đạt 65%, tương ứng 17,57 km/27,15 km

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): đạt 52%, tương ứng 19,68 km/37,52 km.

b) Trường học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 05 trường học các cấp, gồm: 01 Trường Mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 2014 (MN Vinh Quang); 01 trường Mầm non đạt tiêu chuẩn CSVC mức 1 năm 2018 (MN Tiên Hưng); 02 Trường Tiểu học đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm 1997 (TH Vinh Quang), năm 1999 (TH Tiên Hưng); 01 Trường Trung học cơ sở chưa đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 năm.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:**

+ Trường Tiểu học Vinh Quang: xây dựng nhà 3 tầng, 12 phòng, nhà đa năng, bếp ăn, tường rào, hệ thống PCCC

+ Trường Tiểu học Tiên Hưng: Xây dựng nhà 2 tầng, 10 phòng, PCCC, bể nước; sửa chữa nhà hiệu bộ ...

+ Trường THCS Vinh Quang: Sửa chữa 6 phòng học tại khu trung tâm, xây mới nhà lớp học 3 tầng, 6 phòng, PCCC, bể nước, nhà để xe...

- **Kết quả sau đầu tư:**

+ Trường Tiểu học Vinh Quang đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

+ Trường Tiểu học Tiên Hưng, trường THCS Vinh Quang đảm bảo duy trì tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

c) Nhà văn hoá

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 14 nhà văn hoá thôn sau khi sát nhập còn 10 nhà văn hoá thôn đảm bảo phục vụ nhu cầu hoạt động hội họp, thể dục thể thao của người dân. Trong đó, Nhà văn hoá thôn Thái Sinh, Chùa Dưới, Đông Dưới đã xuống cấp.

- **Đầu tư nâng cấp, cải tạo:** làm lại cống, trần nhà, trát lại tường, đường điện, rãnh thoát nước, sơn sửa tường rào, nâng cấp sân ... 03 nhà văn hoá thôn.

- **Kết quả sau đầu tư:** 100% thôn trên địa bàn xã có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hoá, thể thao đảm bảo sinh hoạt văn hóa cho người dân của các thôn.

II. Danh mục công trình sử dụng nguồn vốn nông thôn mới kiểu mẫu tiết kiệm năm 2023.

Tổng kinh phí bố trí 05 xã (*Tự Cường, Bạch Đằng, Hùng Thắng, Tây Hưng, Vinh Quang*) thực hiện nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023-2024 là 625 tỷ đồng. Qua ra soát danh mục công trình đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 xã. Kinh phí đề xuất đầu tư dự kiến 593,33 tỷ đồng, kinh phí chưa sử dụng 31,67 tỷ đồng. UBND huyện Tiên Lãng, đề xuất đầu tư kinh phí xây dựng: Dự án xây dựng tuyến đường từ đường huyện vào Cụm công nghiệp xã Quang Phục.

III. Kết quả triển khai thực hiện các công trình sử dụng nguồn vốn nông thôn mới tiết kiệm năm 2022

- Thực hiện Thông báo số 115/TB-UBND ngày 08/3/2022 của UBND thành phố về việc Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại huyện Tiên Lãng. Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí tiết kiệm đầu tư 03 công trình: (1) Sửa chữa mặt đường huyện 212 đoạn từ cầu Trì xã Bắc Hưng đến cống Rộc xã Vinh Quang; (2) Cải tạo mặt đê hữu sông Văn Úc đoạn từ Đền Gắm xã Toàn Thắng đến chùa Thắng Phúc xã Tiên Thắng; (3) Xây dựng cầu Chùa Lai - xã Quang Phục. Kết quả thực hiện như sau:

1. Công trình: *Sửa chữa mặt đường huyện 212 đoạn từ cầu Trì xã Bắc Hưng đến cống Rộc xã Vinh Quang:* Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt đầu tư tại các Quyết định: Số 471/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt dự án; số 1446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án.

+ Tổng mức đầu tư: 26.788 triệu đồng (Trong đó: Chi phí xây lắp: 23.100 triệu đồng; Chi phí khác: 3.688).

+ Thời gian thực hiện: 2022-2023.

- Tình hình triển khai thi công: Thi công xong bê tông nhựa mặt đường; Thi công xong sơn vạch kẻ đường; Đang thi công cải tạo cỏ ga hiện trạng.

2. Công trình: *Xây dựng cầu Chùa Lai, xã Quang Phục:* Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt tại các Quyết định: Số 999/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; Số 1448/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình với nội dung như sau:

+ Tổng mức đầu tư: 14.994 triệu đồng (Trong đó: Chi phí xây lắp: 13.212 triệu đồng; Chi phí khác: 1.782 triệu đồng).

+ Thời gian thực hiện: 2022-2023.

+ Tình hình triển khai thi công: Đã thi công xong ép cọc 02 mô cầu; Tiếp tục triển khai thi công mô cầu, đúc đầm cầu, bản mặt cầu và đường dẫn 02 bên đầu cầu.

3. Công trình: *Cải tạo mặt đê hữu sông Văn Úc đoạn từ Đền Gấm xã Toàn Thắng đến chùa Thắng Phúc xã Tiên Thắng*: Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt tại các Quyết định: Số 998/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; Số 1447/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật.

+ Tổng mức đầu tư: 2.644 triệu đồng (Trong đó: Chi phí xây lắp: 2.219 triệu đồng; Chi phí khác: 425 triệu đồng).

+ Thời gian thực hiện: 2022-2023.

+ Tình hình triển khai thi công: Đã thi công cơ bản hoàn thành.

IV. Kiến nghị, đề xuất

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Đồng ý chấp thuận danh mục công trình xã nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 xã nêu trên (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Đối với các công trình xử lý nước thải tại các xã, sẽ thực hiện đầu tư sau khi hoàn thành xây dựng, đánh giá hiệu quả đầu tư thí điểm 04 mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt hiện nay đang triển khai thực hiện tại 04 xã (*Thanh Sơn - Kiến Thụy; Nhân Hoà - Vĩnh Bảo; Quang Phục - Tiên Lãng; An Thắng - An Lão*).

2. Đồng ý chủ trương sử dụng nguồn kinh phí xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu các xã triển khai từ năm 2023 huyện Tiên Lãng chưa sử dụng hết (theo định mức phân bổ trung bình 125 tỷ/xã) để triển khai thực hiện các hạng mục công trình như đề xuất của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng theo mục II.

3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng:

- Triển khai, thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn các xã, ưu tiên ngân sách huyện, huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp (*đặc biệt là giải pháp về công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tự nguyện hiến tặng đất để đầu tư các công trình*) để hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025 (*nhất là đối với hạng mục trồng cây xanh trên các tuyến đường*), đảm bảo mục tiêu: năm 2023, 05/05 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; năm 2024, 05/05 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ, kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện;

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát kỹ về hiện trạng, nội dung, quy mô, kinh phí đầu tư, các giải pháp thiết kế tận dụng tối đa các công trình đã được đầu tư liên quan, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, đúng quy định. Chịu trách nhiệm về

tính chính xác trong việc đánh giá, xác định hiện trạng các công trình huyện đề xuất đầu tư. Đối với việc đầu tư vỉa hè các tuyến đường loại 5,5m, cần nghiên cứu kỹ, chỉ thực hiện đầu tư trong trường hợp không phải bố trí kinh phí hỗ trợ vật kiến trúc hoặc phải bố trí nhưng rất ít;

- Triển khai các trình tự, thủ tục đầu tư và tổ chức thiết kế, thi công các công trình trên địa bàn các xã đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng công trình, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí;

- Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố qua Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố để chỉ đạo, giải quyết.

4. Giao Sở Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng triển khai thực hiện trình tự thủ tục đầu tư các công trình từ nguồn vốn tiết kiệm đảm bảo theo đúng quy định.

5. Giao các Sở, ngành thành phố: Căn cứ nội dung, nhiệm vụ, tiêu chí, chỉ tiêu được giao, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc huyện Tiên Lãng triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

6. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại huyện Tiên Lãng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Nguyễn Đức Thọ (để b/c);
- UBND huyện Tiên Lãng;
- Lưu: VT, NTM.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Gia Khánh

**BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC VÀ KINH PHÍ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU 5 XÃ HUYỆN TIỀN LÃNG**

(Kèm theo Công văn số ⁷⁴⁸/SNN-NTM ngày ¹⁴ tháng ³ năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
I	TỰ CƯỜNG			117.043	112.747	4.296
A	GIAO THÔNG	10,886		90.151	86.576	3.575
1	Đường từ huyện về xã loại 9,0m mặt bê tông nhựa	1,07	Tổng chiều dài: 0,92 km. Đầu tư 02 tuyến, kết quả sau đầu tư đạt: 74% (0,68km/0,92km)	5.704	5.471	233
1.1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã đoạn từ Cầu Ngự (Mỹ Ngự) đến cầu Bazan (1/2 tuyến bên phải)	0,390	Bm=5,5m BTN giữ nguyên, chỉ đầu tư hệ thống chiếu sáng đoạn qua khu dân cư.	485	461	24
1.2	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã đoạn từ cống Quay (Mỹ Ngự) đến cầu Bazan (1/2 tuyến bên trái)	0,68	Đầu tư mặt đường Bm=5,5m BTN, đầu tư hệ thống thoát nước, chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	5.219	5.010	209
2	Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn loại 7,0m mặt bê tông nhựa	1,554	Tổng chiều dài: 3,21km. Đầu tư 03 tuyến, dài 1,554km. Sau đầu tư đạt 48,46%.	29.307	28.363	944
2.1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã đoạn từ UBND xã đến ngã tư cửa Đình	0,787	Đầu tư mặt đường Bm=7m BTN; đầu tư vỉa hè 2 bên rộng mỗi bên 1,5m, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư, trồng cây xanh...	15.330	14.717	613
2.2	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã đoạn từ UBND xã đến nhà ông Bình	0,272	Đầu tư mặt đường Bm=7m BTN; đầu tư vỉa hè 2 bên rộng mỗi bên 1,5m, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư, trồng cây xanh...	5.100	4.947	153

TT	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
2.3	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục xã đoạn từ trục xã đến cống cống Đông	0,495	Đầu tư Bm=7m BTN, vỉa hè 2 bên rộng mỗi bên 1,5m, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư, trồng cây xanh...	8.877	8.700	178
3	Đường trục thôn (loại 5,5m)	3,843	Đầu tư 06 tuyến đường trục thôn tổng chiều dài 3,843km/6,556 km tổng chiều dài tất cả các tuyến, đạt 58,62%	29.880	28.708	1.173
3.1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Mỹ Ngự đoạn từ cầu Ngự đến nhà ông Tảo (Nhuệ Ngự)	0,28	Bm=5,5m BTN, rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	3.137	3.043	94
3.2	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Lâm Cao đoạn từ cầu Bazan đến nhà ông Tảo	0,67	Giữ nguyên mặt đường hiện trạng, thiết kế rãnh thoát nước và hệ thống chiếu sáng đoạn qua khu dân cư, nâng cấp, cải tạo cầu Bazan	15.957	15.319	638
3.3	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Cẩm La đoạn từ ngã tư cửa Đình đến nhà ông Giản	0,395	BTN=5,5m, đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	4.385	4.210	175
3.4	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Sa Đông: đoạn từ nhà ông Tảo đến nhà ông Kỳ	1,886	Giữ nguyên mặt đường và rãnh thoát nước hiện trạng, đầu tư điện chiếu sáng qua khu dân cư	2.091	1.987	105
3.5	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Mỹ Ngự đoạn từ cầu Bazan đến qua UBND xã	0,232	Bm=5,5m BTN giữ nguyên, chỉ đầu tư hệ thống chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	303	303	
3.6	Nâng cấp cải tạo tuyến đường trục thôn Lâm Cao đoạn từ nhà ông Vân đến công nhà Hoá Hằng	0,380	Bm= 5,5m BT nhựa, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	4.006	3.846	160
4	Đường ngõ xóm (loại 3,5m)	4,419	Tổng chiều dài: 9,582 km. Đầu tư 4,419km (10tuyến), số km đường đã đạt 0,65km. Sau đầu tư đạt 52,9% (5,069/9,582km)	25.260	24.035	1.225

TT	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
4.1	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Mỹ Ngự đoạn từ nhà ông Bình đến nhà ông Thuân	0,450	Giữ nguyên hiện trạng mặt đường, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	1.925	1.829	96
4.2	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Mỹ Ngự đoạn từ NVH Nhuệ Ngự đến chùa Mỹ Phúc	0,622	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	4.278	4.065	214
4.3	Nâng cấp cải tạo tuyến ngõ xóm thôn Mỹ Ngự đoạn từ nhà ông Trường Hiền đến nhà Quán Hoán (Mỹ Khê)	0,165	Bm=3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	1.111	1.056	56
4.4	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Lâm Cao đoạn từ nhà Hà Kim đến nhà ông Vông	1,128	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước bên 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	6.651	6.319	333
4.5	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Sa Đồng đoạn từ nhà ông Đẩu đến nhà ông Hùng	0,946	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	5.415	5.144	271
4.6	Tuyến đường ngõ xóm thôn Đồng đoạn từ NVH đến chùa Tiên Am	0,350	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	2.020	1.919	101
4.7	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Cẩm La đoạn từ nhà ông Lý đến nhà ông Loảng	0,172	Giữ nguyên hiện trạng mặt đường, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	752	752	
4.8	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Cẩm La đoạn từ nhà bà Thảng đến nhà ông Đô	0,304	Giữ nguyên hiện trạng mặt đường, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	1.309	1.244	65
4.9	Nâng cấp cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Mỹ Ngự đoạn từ nhà ông Yên đến nhà ông Mạnh (Mỹ Khê)	0,202	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	1.218	1.157	61

TT	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
4.10	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ngõ xóm thôn Mỹ Ngự đoạn từ nhà ông Nghiễn đến nhà ông Trâm (Mỹ Khê)	0,080	Bm= 3,5m BTXM, đầu tư rãnh thoát nước 1 bên, điện chiếu sáng qua khu dân cư	579	550	29
B	GIÁO DỤC			19.847	19.198	649
1	Trường mầm non (cơ sở 1)	1	- Xây mới 06 phòng học (100m ² /phòng; và 03 phòng chức năng: 01 phòng thể chất, 01 phòng đa năng, 01 phòng nghệ thuật (80m ² /phòng), nhà vệ sinh- San lấp 1500m ³ cát, xây tường rào 100m. Lát sân 430m ² (phần diện tích mở rộng thêm). Đảm bảo chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	11.992	11.632	360
2	Trường tiểu học	1	- Xây mới dãy nhà 03 phòng (01 tầng) phục vụ học tập 60m ² /phòng) dự kiến 225m ² diện tích sàn - Xây mới nhà để xe cho học sinh, mở rộng nhà vệ sinh. Đảm bảo chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	2.519	2.444	76
3	Trường THCS	1	Xây mới nhà 02 tầng 6 phòng học (60m ² /phòng - 360m ² mặt sàn), mở rộng nhà để xe và nhà vệ sinh. Đảm bảo chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	5.336	5.123	213
C	Y TẾ			2.425	2.352	73
1	Trạm y tế	1	Sửa chữa: làm lại mái khu nhà 3 phòng, sửa chữa dãy nhà khám bệnh bên cạnh, sửa chữa cổng.	2.425	2.304	121
D	MÔI TRƯỜNG			4.620	4.620	
1	Xây mới khu xử lý nước thải tập trung tại thôn Sa Đống 1.237m ²	1	Xây mới trạm xử lý nước thải đạt tiêu chí nước thải để xả thải ra môi trường	4.620		

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
II	BẠCH ĐẰNG			125.396	120.158	5.238
A	GIAO THÔNG			105.189	100.638	4.551
1	Tổng chiều dài: 2,08 km. Đầu tư 01 tuyến: 1,275 km. Sau đầu tư đạt tỷ lệ 100%			26.582	25.785	797
1.1	Tuyến đường từ ngã ba cổng chào đến cầu vào UBND xã	1,275	Mở rộng nền đường trung bình 4m. Làm mới mặt BTN rộng 9m. Xây mới rãnh thoát nước 2 bên đoạn qua khu dân cư. Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên đoạn qua khu dân cư. Làm mới vỉa hè rộng 1,5m qua khu dân cư. Cải tạo 2 cống ngang đường. Kè 260m bằng đá học.	26.582	25.785	797
2	Tổng chiều dài: 3,58 km, Đầu tư 01 tuyến: 1,526 km. Sau đầu tư đạt tỷ lệ: 87%			36.912	35.067	1.846
2.1	Tuyến đường từ cầu Ủy ban đến cầu Xuân Quang	1,526	Làm mới mặt đường BTN rộng 7,0m; Xây mới rãnh thoát nước 2 bên đoạn qua khu dân cư tổng chiều dài 2512m; Điện chiếu sáng 1 bên toàn tuyến; Vỉa hè 2 bên đoạn qua khu dân cư; Cải tạo 3 cống D100 và 2 cầu nhỏ ngang đường. Trồng cây xanh.	36.912	35.067	1.846
3	Tổng chiều dài 1,528 km. Đầu tư 4 tuyến đường, tổng chiều dài 0,88km. Sau đầu tư tỷ lệ đạt: 58%			9.445	9.057	388
3.1	Tuyến đường trục thôn Xuân Lai từ nhà ông Sấn đến nhà ông Đoán	0,25	Mở rộng nền đường trung bình 2,5m. Mặt đường BTN rộng 5,5m; Xây mới rãnh thoát nước, điện chiếu sáng; Cải tạo 1 cống ngang đường	2.650	2.544	106

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
3.2	Tuyến đường trục thôn Xuân Lai từ trường Mầm non đến NVH thôn	0,090	Làm mới mặt đường BTXM rộng 5,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	990	941	50
3.3	Tuyến đường trục thôn Xuân Hòa từ nhà thờ Xuân Hòa đến nhà ông Sấn	0,355	Làm mới mặt đường BTN rộng 5,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên; Cải tạo 2 cống D1000 ngang đường.	3.076	2.953	123
3,4	Tuyến đường trục thôn Xuân Hòa từ nhà ông Mộng đến nhà ông Thuần	0,185	Làm đường trên mương hiện trạng, B nền 6,0m; Mặt đường BTnhựa rộng 5,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	2.729	2.620	109
4	Tổng chiều dài 7,06 km, đầu tư 13 công trình (17 tuyến): 4,382 km. Sau đầu tư đạt tỷ lệ 62%			32.249	30.729	1.520
4.1	Đường ngõ xóm thôn Phác Xuyên 1: (gồm 2 đoạn: đoạn 1: 0,27 km; đoạn 2: 0,095 km)	0,365	Làm mới mặt BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên. Cải tạo cống ngang đường.	2.726	2.589	136
4.2	Đường ngõ xóm thôn Phác Xuyên từ nhà thư viện thôn đến nhà ông Phiên và từ đền Phạm Ngọc Đa đến đường trục xã	0,286	Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	292	278	15
4.3	Đường ngõ xóm thôn Phác Xuyên từ nhà bà An Sinh đến nhà ông Phiên	0,368	Làm mới mặt BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên. Cải tạo 1 cống ngang đường.	2.662	2.529	133

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
4.4	Đường ngõ xóm thôn Phác Xuyên từ nhà ông Khải đến đường chùa	0,210	Làm mới mặt BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	1.382	1.327	55
4.5	Tuyến ngõ xóm thôn Vọng Hải từ Trạm y tế đến xóm bà Hải Vân	0,392	Làm mới mặt đường BTXM theo hiện trạng, tối thiểu 3,5m. Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	2.350	2.256	94
4.6	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Lai đoạn từ nhà Bốn Học đến cầu Kháng Chiến	0,425	Làm mới mặt đường BTXM rộng 4,0m; Rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400, điện chiếu sáng 1 bên. Cải tạo 1 cống ngang đường.	6.392	6.072	320
4.7	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Lai từ cầu Kháng chiến đến nhà ông Thuận	0,250	Làm đường trên mương hiện trạng, B nền 4,5m; Mặt đường BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	2.834	2.692	142
4.8	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Lai từ nhà ông Quang đến nhà ông Tăng	0,222	Làm đường trên mương hiện trạng, B nền 5,0m; Mặt đường BTXM rộng 4,0m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	1.778	1.689	89
4.9	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Hòa: (gồm 03 đoạn. Đoạn 1: 0,265 km; Đoạn 2: 0,045; Đoạn 3: 0,125 km)	0,435	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên. Nâng cấp cống	3.354	3.187	168
4.10	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Hòa từ nhà ông Tình đến sân vận động thôn	0,425	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400;	3.330	3.197	133

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
			Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên. Nâng cấp 2 cống D600 ngang đường.			
4.11	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Hòa từ cầu ông Thor đến nhà bà Miền	0,100	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m: Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên. Nâng cấp 2 cống D600 ngang đường.	1.075	1.043	32
4.12	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Quang từ nhà ông Đại đến nhà ông La	0,305	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m: Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	2.250	2.137	112
4.13	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Quang từ cầu Xuân Quang đến nhà bà Hồ	0,164	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m: Xây mới rãnh thoát nước 1 bên, quy mô B=400; Lắp mới điện chiếu sáng 1 bên.	1.825	1.734	91
B	GIÁO DỤC			13.739	13.052	687
1	Nâng cấp, cải tạo trường THCS		Xây mới nhà vệ sinh học sinh, dự kiến diện tích khoảng 70m ²	926	879	46
2	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học, bao gồm:		Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học: Xây mới nhà đa năng, diện tích 450 m ² , Xây mới nhà 2 tầng, bao gồm khu bếp và phòng ăn của học sinh, 1 phòng học chức năng tại tầng 1 và 3 phòng học chức năng tại tầng 2, mỗi phòng khoảng 60m ² . Diện tích mặt bằng khoảng 310m ² ; tổng diện tích xây dựng 620m ² ; xây dựng tường bao dài 140m. đảm bảo đạt cơ sở vật chất mức độ 2	11.774	11.421	353

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
3	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non.		Cải tạo, nâng cấp trường mầm non khu trung tâm, bao gồm: sân, cổng, nhà bếp ăn	1.040	1.008	31
C	VĂN HÓA			1.559	1.559	
1	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa Phác Xuyên		Cải tạo, nâng cấp bao gồm: Trát lại tường, làm lại mái.	289		
2	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa Vọng Hải		Cải tạo, nâng cấp bao gồm: Trát lại tường, làm lại mái, xây mới nhà vệ sinh	404		
3	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa Xuân Quang		Xây mới nhà vệ sinh, sơn lại tường, làm lại cửa	289		
4	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Xuân Lai		Cải tạo, nâng cấp bao gồm: Trát lại tường, ốp gạch tường, làm lại mái., làm lại cửa sổ	462		
5	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn Xuân Hòa		Xây mới nhà vệ sinh, diện tích khoảng 8,5m2	116		
D	Y TẾ			289	289	
7.1	Cải tạo, nâng cấp trạm y tế		Cải tạo, nâng cấp trạm y tế bao gồm: Cải tạo nhà vệ sinh (10m2), sơn lại tường nhà khám chữa bệnh (240m2), nâng nền vườn thuốc nam (400m2).	289		
E	MÔI TRƯỜNG			4.620	4.620	
8.1	Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung tại thôn Xuân Lai - Xuân Hòa		Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung tại thôn Xuân Lai - Xuân Hòa	4.620		

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
III	TÂY HÙNG			114.257	109.681	4.576
A	GIAO THÔNG			79.854	76.110	3.743
I	Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m), gồm 1 tuyến đường dài 0,79 km, đầu tư với tỷ lệ 100%			19.886	18.892	994
1.1	Tuyến đường Cống Dầu đến UBND xã	0,790	Xử lý nền đường mở mới rộng 4,0m; Trải mặt Asphalt 9,0m toàn tuyến; Cải tạo, nâng cấp rãnh hiện trạng, bổ sung rãnh bên còn lại; xây dựng vỉa hè 2 bên; Xây dựng điện chiếu sáng toàn tuyến, khoảng cách 30m/cột (cáp ngầm). Kè phía bên kênh bằng cọc BTCT dài 330m cho đồng bộ với tuyến trước	19.886	18.892	994
II	Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): không đề xuất đầu tư					
III	Tổng chiều dài 6,88 km. Đầu tư 04 tuyến đường, tổng chiều dài 4,88 km đạt tỷ lệ 70,9%			30.675	29.391	1.284
3,1	Tuyến đường từ cầu UBND xã đến cống C1	2,050	Làm mới rãnh thoát nước bên phải tuyến dài 0,4km, quy mô B500; Lắp mới điện chiếu sáng toàn tuyến, khoảng cách 30m/cột (cáp ngầm).	3.902	3.785	117
3,2	Tuyến đường Võ Thị Sáu qua địa bàn xã	1,800	Làm mới mặt đường Asphalt rộng 5,5m; Rãnh thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư dài 1,4 km.	15.680	14.896	784
3,3	Tuyến đường trục thôn Minh Hưng từ nhà ông Từ đi đường lô 7	0,500	Làm mới mặt đường BTXM rộng 5,5m dài 140m lắp điện chiếu sáng toàn tuyến	5.053	4.851	202
3,4	Tuyến đường thôn Minh Hưng từ Cống Dầu qua NVH thôn đến cầu trạm bơm	0,530	Làm mới mặt đường Asphalt rộng 5,5m. Làm mới rãnh thoát nước bên trái tuyến, quy mô B=400. Điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư.	6.040	5.859	181

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
IV	Đường ngõ xóm Tổng chiều dài 11,64km, đầu tư 6,5km, đạt tỷ lệ 55,84%			29.292	27.828	1.465
4.1	Tuyến đường ngõ xóm thôn Xuân Hưng, từ cầu Xuân Hưng đến đường 8m	1,525	Làm mới rãnh thoát nước 1bên, quy mô B=400. . Lắp mới điện chiếu sáng toàn tuyến, khoảng cách 30m/ cột (treo cáp)	5.655	5.372	283
4.2	Tuyến đường ngõ xóm thôn Hợp Hưng từ nhà bà Lan đến đường 8m.	1,665	Làm mới rãnh thoát nước 1bên, quy mô B=400. Lắp mới điện chiếu sáng toàn tuyến, khoảng cách 30m/ cột (treo cáp) Cải tạo cống ông Lương.	7.156	6.798	358
4.3	Tuyến đường xóm thôn Tân Hưng từ cầu ông Hiến đến cầu ông Đỏ	0,410	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m. Xây mới rãnh thoát nước đoạn qua khu dân cư. Lắp mới điện chiếu sáng khoảng cách 430m/ cột (treo cáp). Cải tạo cầu ông Hiến.	2.657	2.524	133
4.4	Đường xóm thôn Tân Hưng từ cầu trạm bơm số 3 đến cầu ông Hiến	0,765	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m. Xây mới rãnh thoát nước đoạn qua khu dân cư. Lắp mới điện chiếu sáng khoảng cách 30m/ cột (treo cáp). Cải tạo cầu ông Vỹ.	4.956	4.709	248
4.5	Tuyến đường xóm thôn Tân Hưng từ trạm bơm số 3 đến cầu ông Chinh	0,760	Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m. Lắp mới điện chiếu sáng khoảng cách 30m/ cột (treo cáp). Cải tạo cầu bà Luân.	4.729	4.492	236
4.6	Tuyến đường xóm thôn Tân Hưng từ cầu Trạm bơm số 3 đến cầu ông Sóc	0,565	Lắp mới rãnh thoát nước, điện chiếu sáng khoảng cách 30m/ cột (treo cáp)	2.325	2.208	116
4.7	Tuyến đường thôn Tân Hưng từ đường lô 7 đi đê biển	0,810	Làm mới mặt đường BTN rộng 3,5m.	1.815	1.724	91

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
B	GIÁO DỤC			27.762	26.930	833
1	Nâng cấp cải tạo trường THCS Tây Hưng để đạt chuẩn mức độ 1		Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học chức năng, diện tích mỗi phòng 60 m ² . Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ, sân, cổng, tường bao. Xây mới nhà vệ sinh học sinh và nhà bảo vệ.	14.293	13.864	429
2	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2		Xây mới nhà đa năng, kích thước sân tập 12x24. Xây mới bếp ăn, nhà vệ sinh học sinh	8.853	8.588	266
3	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1		Xây mới nhà 2 tầng 4 phòng gồm bếp ăn 1 chiều và 2 phòng chức năng	4.617	4.478	138
C	VĂN HÓA			1.444	1.444	
1	NVH thôn Xuân Hưng		Cải tạo, nâng cấp NVH bao gồm: Làm lại mái tôn chống nóng, trát lại tường, cải tạo sân. Xây mới nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước	578		
2	NVH thôn Hợp Hưng		Làm lại mái, trát lại tường ,..	347		
3	NVH thôn Tân Hưng		Nâng sân nhà văn hóa, làm mới hệ thống thoát nước	231		
4	NVH thôn Minh Hưng		Xây thêm 50m tường rào, nâng sân	289		
D	Y TẾ		Nâng cấp, cải tạo đường vào, sân, hệ thống thoát nước, ốp tường	578	578	
E	MÔI TRƯỜNG			4.620	4.620	0
	Trạm xử lý nước thải thôn Tân Hưng		Xây mới trạm xử lý nước thải thôn Tân Hưng	4.620		

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (Km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện
IV	HÙNG THẮNG			124.213	118.795	5.418
A	GIAO THÔNG			106.902	101.846	5.056
I	Tuyến đường từ huyện đến trung tâm xã và đường liên xã loại có quy mô mặt 9m: không đầu tư					
II	Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): Tổng chiều dài 4,96 km, đã đạt tiêu chí 1,4km, đầu tư 01 tuyến dài 0,822km, tỷ lệ đạt 47,8%.			16.645	15.812	832
2.1	Tuyến đường Văn Ván từ đường 212 đến ngã tư thôn Văn Úc	0,822	Mở rộng nền đường 2 -4m; trải nhựa asphalt mặt 7m; Làm mới: Kè kênh bên trái tuyến; rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè qua khu dân cư, trồng cây, nâng cấp cống ngang đường; biển báo giao thông, gờ giảm tốc,	16.645	15.812	832
III	Tuyến đường trục thôn (5,5m): Hiện trạng gồm 15 tuyến đường, tổng chiều dài 9,832 km. Đầu tư 7 tuyến đường; tổng chiều dài 5,547 km, tỷ lệ 56,41%			62.056	58.877	3.179
3.1	Tuyến đường trục thôn Dương Áo đoạn từ cầu Dương Áo đến nhà ông Thánh thôn 6	1,182	Trải nhựa asphalt mặt 6m; Làm mới: rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng ... qua khu dân cư, nâng cấp cống ngang đường	14.015	13.315	701
3.2	Tuyến đường trục thôn 8 từ cầu Chử Khê đến cống Dầu	0,582	Trải nhựa asphalt mặt 5.5m dài 0,61km và làm mới rãnh thoát nước 2 bên; hệ thống điện chiếu sáng, nâng cấp cống ngang đường; biển báo giao thông, gờ giảm tốc,	6.722	6.386	336

3.3	Tuyến đường trục thôn 13, từ cống Dầu đến cầu ông Thọ	1,00	Làm mới hệ thống điện chiếu sáng toàn tuyến	1.213	1.164	49
3.4	Tuyến đường trục Thái Hòa từ cầu Thái Hòa đến hết khu dân cư thôn 14	0,631	Trải nhựa asphalt mặt 6,0m; Làm mới: rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng qua khu dân cư.	8.792	8.264	528
3.5	Tuyến đường trục ven kênh trung thủy nông, từ trường THCS đến cầu Thái Hòa	1,105	Làm mới mặt đường nhựa asphalt mặt 5,5m dài 1,105km; Làm mới rãnh thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng, nâng cấp cống ngang đường; biển báo giao thông, gờ giảm tốc,	19.726	18.740	986
3.6	Tuyến đường trục thôn từ ngã tư thôn Văn Úc đến chùa Trùng Quang	0,562	Trải nhựa asphalt toàn bộ mặt đường 5.5m dài 0,562km và làm mới rãnh thoát nước; làm mới hệ thống điện chiếu sáng, nâng cấp cống ngang đường; biển báo giao thông, gờ giảm tốc,	7.727	7.341	386
3.7	Tuyến đường trục thôn Thái Hòa từ ngã tư Thái Hòa đến giáp Tiên Hưng cũ	0,485	Xây dựng rãnh thoát nước 2 bên đoạn qua khu dân cư. Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột (cáp ngầm)	3.861	3.668	193
IV	Tuyến đường ngõ xóm (loại 3,5m): Tổng chiều dài 11,210 km, đầu tư 6,138 km, đạt tỷ lệ 54,75%			28.202	27.156	1.045
4.1	Tuyến đường ngõ xóm từ Gò Muối đến trạm bơm Đồng Đá	1,480	Gia cố nền đường; Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; làm mới RTN, ĐCS và cải tạo cống ngang đường	7.993	7.593	400
4.2	Tuyến đường ngõ xóm thôn 12 đoạn từ nhà ông Phong đến NVH thôn 12; Đoạn từ Vườn Cánh Gà đến nhà Ông Quý; Đoạn từ đường Gò Muối đến nhà bà Nhện	0,456	Gia cố nền đường; Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; làm mới RTN, ĐCS	3.515	3.339	176

4.3	Tuyến đường ngõ xóm thôn 9 đoạn từ nhà Ông Lễ tới cầu Ông Thê	0,215	Gia cố nền đường; Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; làm mới RTN, ĐCS	1.503	1.428	75
4.4	Tuyến đường ngõ xóm thôn Văn Ván, đoạn từ Đình Văn Đông đến ngã tư ông Tự	0,484	Gia cố nền đường; Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; làm mới RTN, ĐCS	3.160	3.034	126
4.5	Tuyến đường ngõ xóm thôn Văn Úc, đoạn nhà ông Diệu đến cầu ông Thượng	0,435	Gia cố nền đường; Làm mới mặt đường BTXM rộng 3,5m; làm mới RTN, ĐCS	3.135	3.041	94
4.6	Tuyến đường ngõ xóm thôn 6 từ nhà ông Thiêng đến nhà ông Tươi	0,545	Gia cố nền đường, đổ BTXM mặt 3,5m dài toàn tuyến và làm mới rãnh thoát nước; làm mới hệ thống điện chiếu sáng, ; biển báo giao thông, gờ giảm tốc,	3.665	3.591	73
4.7	Tuyến đường ngõ xóm thôn Văn Đông, đoạn từ trường tiểu học đến ngã 3 Trại Ván	0,295	Xử lý nền đường, làm mới mặt BTXM rộng 3,5m; xây mới rãnh thoát nước, điện chiếu sáng	1.926	1.868	58
4.8	Tuyến đường ngõ xóm thôn 13, đoạn từ nhà Bà Thụy đến ngã tư thôn 13	0,220	Xử lý nền đường, làm mới mặt BTXM rộng 3,5m; xây mới rãnh thoát nước, điện chiếu sáng	1.445	1.402	43
4.9	Tuyến đường ngõ xóm thôn 7, đoạn từ nhà Ông Vinh tới nhà văn hoá thôn 7	0,21	Đầu tư điện chiếu sáng toàn tuyến	186	186	
4.10	Tuyến đường ngõ xóm thôn 13, đoạn từ nhà Bà Chít đến nhà Bà Thụy	0,375	Đầu tư điện chiếu sáng toàn tuyến	345	345	
4.11	Tuyến đường ngõ xóm thôn 5, đoạn từ nhà Ông Nhật tới cổng chùa Dương Áo	0,381	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	345	345	
4.12	Tuyến đường ngõ xóm thôn 10, đoạn từ nhà bà Chao đến nhà Bà Toàn	0,265	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	239	239	

4.13	Tuyến đường ngõ ông Lốp, thôn 10 (Đoạn từ nhà ông Đồ, đường làng Chử Khê đến nhà ông Khắc, đường Gò muối)	0,232	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	213	213	
4.14	Tuyến đường ngõ xóm thôn 15, đoạn từ nhà Ông Xưởng tới Ông Chính qua NVH	0,155	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	159	159	
4.15	Tuyến đường ngõ xóm thôn 15, đoạn từ nhà bà Lanh vào cầu Ông Cao	0,140	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	133	133	
4.16	Tuyến đường ngõ xóm thôn 14, đoạn Cầu Thái Hoà đến nhà Ông Xoàng	0,250	Lắp mới điện chiếu sáng, khoảng cách 30m/ cột	239	239	
B	GIÁO DỤC			12.055	11.694	362
1	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học		Nâng cấp cải tạo để trường đạt chuẩn mức độ 1, bao gồm: nhà A, dãy nhà C và khu hiệu bộ: Trát lại tường, chống thấm, cửa, đường điện, nền nhà.	6.064		
2	Nâng cấp, cải tạo trường Mầm non		Xây mới nhà lớp học chức năng 2 tầng - 4 phòng	5.876		
			Hạ tầng kỹ thuật: Rãnh thoát nước, sân xung quanh nhà	116		
C	VĂN HÓA			635	635	
1	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa thôn 8		Thay lại cửa, sơn lại tường, lát gạch, lợp lại mái tôn, sơn lại tường rào sắt.	635		
E	MÔI TRƯỜNG			4.620	4.620	
	Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung tại thôn Văn Úc, diện tích 1.000 m2		Xây dựng khu xử lý nước thải tập trung tại thôn Văn Úc	4.620		

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
V	VINH QUANG			138.275	131.949	6.326
A	GIAO THÔNG			88.650	84.426	4.224
1	Đường từ huyện về xã loại 9,0m mặt asfal nhựa		Đường trung tâm xã đến đường huyện loại 9m: không đầu tư			
2	Đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn loại 7,0m mặt asfal nhựa		Tổng chiều dài: 11,35 km. Đầu tư 01 dài:1,1 km. Sau đầu tư đạt 45% (5,1/11,35km)	3.398	3.228	170
2,1	Đường trục xã từ đường 212 đi nhà văn hóa thôn Đông Dưới (FMCR)	1,10	Xây dựng rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, vỉa hè qua khu dân cư	3.398	3.228	170
3	Đường trục thôn (loại 5,5m).	17,57	Trên địa bàn xã có 27,15 km đường trục thôn. Đầu tư cải tạo, nâng cấp 13 tuyến dài 17,57 km đạt tỷ lệ 64,7%	72.124	68.590	3.534
3.1	Đường thôn Tân Thắng đoạn từ quán bà Tầm đến bia chiến thắng	2,1	Làm mới mặt đường 5,5m. Xây mới 02 cống hộp qua đường. Xây rãnh thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư	15.965	15.167	798
3.2	Đường trục thôn Tân Quang từ ông Đoàn - ông Bút	0,75	Làm mới mặt đường BTnhựa rộng 5,5m. Xây mới 01 cống qua đường, xây mới rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	7.299	6.934	365
3,3	Đường trục thôn Duyên Hải từ nhà ông Trưởng đến nhà ông Cách	0,75	Làm rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	2.945	2.798	147

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
3,4	Tuyến đường Võ Thị Sáu đoạn qua địa bàn xã Vinh Quang	0,78	Mặt đường bê tông nhựa rộng 5,5m, có 01 cống hộp qua kênh. Xây rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	8.168	7.760	408
3,5	Đường trục thôn Tân thắng: Đoạn từ quán bà Tầm đến nhà ông Ngừng	1,20	Xây dựng rãnh thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư	4.632	4.401	232
3,6	Đường trục thôn Tân Quang: Đoạn từ trụ sở UBND xã Tiên Hưng cũ qua đồn Biên phòng Vinh Quang	2,00	Nâng cấp nền mặt đường 5,5 dài 0,7km và xây dựng rãnh thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư	7.204	6.844	360
3,7	Đường trục thôn Kỳ từ nhà ông Mẫn đến nghĩa trang nhân dân công Ba Gian	2,30	Lắp đặt điện chiếu sáng	1.860	1.767	93
3,8	Đường trục thôn Thái Sinh từ Cầu Đen đến Cầu ông Quả	1,5	Bổ sung đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	2.973	2.824	149
3,9	Đường trục thôn Nam từ nhà bà Bắc đi nhà ông Chín	1,23	Bổ sung đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	2.553	2.425	128
3,10	Đường trục thôn Duyên Hải từ nhà ông Thẻ đến nhà ông Sự (FMCR)	1,20	Bổ sung đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	4.712	4.477	236
3,11	Đường trục thôn Yên từ nhà bà Bình đến Công Thành Tre I (FMCR)	1,85	Bổ sung đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	7.265	6.974	291
3,12	Đường trục thôn Kim từ cống thôn Kim đến cầu ông Thước (FMCR)	1,33	Bổ sung đầu tư rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	5.877	5.583	294
3,13	Đường trục thôn Vam Trên từ thôn Yên đến đê biển 3 (đoạn đi qua thôn Vam trên)	0,58	Bổ điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	670	636	33

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
4	Đường ngõ xóm (loại 3,5m) (05 tuyến)	4,32	Toàn xã có tổng chiều dài 37,52 km tuyến ngõ xóm. Đã được đầu tư xây dựng được 15,36km. Đầu tư cải tạo, nâng cấp 07 tuyến, dài 4,32 km. Tổng chiều dài đạt sau khi xây dựng là 19,68km đạt tỷ lệ 52,45%	13.128	12.607	521
4.1	Đường ngõ xóm thôn Đồn Trên đoạn từ nhà Ông Mỹ đến nhà ông Đăng	1,70	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 1,7km, Xây dựng 2 cống hộp qua đường	5.428	5.157	271
4.2	Đường ngõ xóm thôn Đồn Trên đoạn Từ Ô Hữu đến Đình Làng	0,22	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 0,22km	922	876	46
4.3	Đường ngõ xóm thôn Đông Dưới từ Ông Cường đến Ông Ngũ - Đê cũ	0,22	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 0,22km	933	905	28
4.4	Đường ngõ xóm thôn Yên từ Ô Khoa đến Ô Huy	0,52	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 0,52km	1.372	1.331	41
4.5	Đường ngõ xóm thôn Duyên Hải từ Ô Thỏ đến ông Hà	0,42	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 0,42km, rãnh thoát nước qua khu dân cư	2.625	2.546	79
4.6	Đường ngõ xóm thôn Duyên Hải từ nhà ông Cách đến nhà bà Nơ	0,12	Làm mới mặt bê tông 3,5 m chiều dài 0,12 km, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng đoạn qua khu dân cư	829	804	25
4,7	Đường ngõ xóm thôn Đông Trên đoạn từ đường 212 đi Trục Chiến (FMCR)	1,12	Lắp đặt điện chiếu sáng qua khu dân cư	1.018	988	31

Stt	Tên công trình, hạng mục	Khối lượng (km)	Nội dung quy mô đầu tư	Tổng (trđ)	Trong đó	
					Ngân sách thành phố (trđ)	Ngân sách huyện (trđ)
B	GIÁO DỤC			42.034	39.932	2.102
1	Trường Tiểu học Vinh Quang		Xây mới 12 phòng học, nhà đa năng, bếp ăn tập thể; tường bao phía sau nhà trường; sân tập trường Tiểu học Vinh Quang - Đầu tư đạt chuẩn mức độ 2	21.521	20.445	1.076
2	Trường Tiểu học Tiên Hưng		Xây mới 10 phòng học, phòng chức năng; sửa chữa nhà hiệu bộ	11.835	11.244	592
3	Trường Trung học cơ sở Vinh Quang		- Sửa chữa 6 phòng học tại khu trung tâm (thôn Đồn Nam): trát lại tường và sơn tường- Xây mới nhà lớp học 3 tầng 6 phòng	8.678	8.244	434
C	VĂN HÓA			2.971	2.971	
1	Nâng cấp cải tạo Nhà văn hóa thôn Thái Sinh		- Nâng cấp, cải tạo: Làm lại mái, đập tường bao xung quanh, nâng sân, lát nền, rãnh thoát nước	866	866	
2	Nâng cấp cải tạo, Nhà văn hóa thôn Chùa Dưới		- Nâng cấp, cải tạo: Làm lại cổng, sơn tường rào; làm lại trần nhà, nâng cấp sân vườn; trát lại tường, làm lại đường điện, rãnh thoát nước	1.144	1.144	
3	Nâng cấp cải tạo Nhà văn hóa thôn Đông Dưới		- Nâng cấp, cải tạo: Làm lại cổng, sơn tường rào; làm lại trần nhà, nâng cấp sân vườn; trát lại tường, làm lại đường điện, rãnh thoát nước	961	961	
D	MÔI TRƯỜNG			4.620	4.620	
1	Trạm xử lý nước thải		Công trình	4.620		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/TTr-UBND

Tiên Lãng, ngày 08 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc đề xuất danh mục công trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu
tại 05 xã năm 2023 trên địa bàn huyện Tiên Lãng**

VĂN PHÒNG UBND TP. HẢI PHÒNG		
Số: 8057.....		
Ngày: 14/03/2023.....		
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT N.V.Tùng		x
PCT TT L.A.Quân		
PCT L.K.Nam		
PCT N.D.Thọ	x	
PCT H.M.Cường		
CVP N.N.Tú		x
PCVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiên		
PCVP P.A.Tuấn	x	
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
TTTTTH		
TTHN & NKTP		

Kính gửi: - UBND thành phố;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố.

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025;
Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;
Căn cứ Quyết định số 1848/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025;
Căn cứ Công văn số 57/VPĐP-THHC ngày 17/8/2022 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố về việc đề xuất danh sách các xã và danh mục các công trình nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện năm 2023;

Căn cứ các văn bản tham gia của các sở, ngành thành phố: Công văn số 3439/SGDDĐT-KTKĐ ngày 16/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về danh mục các công đầu tư xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng; Công văn số 4124/SGTVT-QLCL ngày 21/11/2022 của Sở Giao thông vận tải Hải Phòng về việc tham gia ý kiến vào các công trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của 05 xã huyện Tiên Lãng thực hiện năm 2023; Công văn số 4282/SGTVT-QLCL ngày 29/11/2022 của Sở Giao thông vận tải Hải Phòng về việc tham gia ý kiến vào danh mục các công trình giao thông đầu tư xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện năm 2023 (lần 2); Công văn số 3952/SYT-KHTC ngày 16/11/2022 của Sở Y tế về việc tham gia ý kiến về danh mục công trình đầu tư xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu thực hiện năm 2023; Công văn số 96/SNN-NTM ngày

16/12/2022 của Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố về việc đề xuất danh mục công trình đầu tư xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu 05 năm xã năm 2023 huyện Tiên Lãng.

Thực hiện Thông báo số 30/TB-UBND ngày 30/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo danh mục công trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại 14 xã triển khai từ năm 2023 và hoàn thành năm 2024 của các huyện: Thủy Nguyên, Kiến Thụy.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp ngày 03/02/2023.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả triển khai thực hiện các công trình sử dụng nguồn vốn nông thôn mới tiết kiệm năm 2022 và trình đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt danh mục và kinh phí xây dựng các công trình nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 tại 05 xã: Tự Cường, Bạch Đằng, Tây Hưng, Hùng Thắng, Vinh Quang và dự kiến danh mục công trình sử dụng kinh phí tiết kiệm sau khi đầu tư cho 5 xã đạt tiêu chí tối thiểu, cụ thể như sau:

I. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các công trình sử dụng nguồn vốn nông thôn mới tiết kiệm năm 2022

1. Trình tự thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư

- Thực hiện Thông báo số 115/TB-UBND ngày 08/3/2022 của UBND thành phố về việc Thông báo Kết luận của Chủ tịch UBND thành phố tại cuộc họp nghe báo cáo xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại huyện Tiên Lãng, theo đó Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo sử dụng kinh phí xây dựng xã NTM kiểu mẫu năm 2022 của huyện chưa sử dụng hết để đầu tư 03 công trình: *Sửa chữa mặt đường huyện 212 đoạn từ cầu Trì xã Bắc Hưng đến cống Rộc xã Vinh Quang; Cải tạo mặt đê hữu sông Văn Úc đoạn từ Đền Gắm xã Toàn Thắng đến chùa Thắng Phúc xã Tiên Thắng và Xây dựng cầu Chùa Lai - xã Quang Phục.*

- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng đã triển khai các trình tự, thủ tục đầu tư, trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, ban hành các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư 03 công trình nói trên theo quy định.

- Việc thực hiện trình tự thủ tục đầu tư và phân bổ kế hoạch vốn đối với các Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã xây dựng NTM kiểu mẫu và các công trình sử dụng nguồn tiết kiệm chi từ nguồn vốn nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo đúng theo các quy định của Luật Đầu tư công 2019, Luật Ngân sách Nhà nước 2015 và các quy định hiện hành.

2. Tiến độ triển khai thực hiện các công trình

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương, điều chỉnh chủ trương đầu tư và phân bổ kế hoạch vốn đối với các dự án, công trình, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các quyết định đầu tư dự án và tổ chức triển khai, cụ thể như sau:

2.1. Dự án: Sửa chữa mặt đường huyện 212 đoạn từ cầu Trì xã Bắc Hưng đến cống Rộc xã Vinh Quang

- Dự án được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt đầu tư tại các Quyết định: Số 471/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 về việc phê duyệt dự án; số 1446/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án với nội dung như sau:

+ Tổng mức đầu tư: 26.788 triệu đồng (Trong đó: Chi phí xây lắp: 23.100 triệu đồng; Chi phí khác: 3.688).

+ Thời gian thực hiện: 2022-2023.

- Tình hình triển khai thi công: Thi công xong bê tông nhựa mặt đường; thi công xong sơn vạch kẻ đường; Đang thi công cải tạo cỏ ga hiện trạng.

2.2. Công trình: Xây dựng cầu Chùa Lai, xã Quang Phục

- Công trình được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt tại các Quyết định: Số 999/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; Số 1448/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình với nội dung như sau:

+ Tổng mức đầu tư: 14.994 triệu đồng (Trong đó: Chi phí xây lắp: 13.212 triệu đồng; Chi phí khác: 1.782 triệu đồng).

+ Thời gian thực hiện: 2022-2023.

- Tình hình triển khai thi công: Đã thi công xong ép cọc 02 móng cầu; Tiếp tục triển khai thi công móng cầu, đúc dầm cầu, bản mặt cầu và đường dẫn 02 bên đầu cầu. Khối lượng đến nay ước đạt 35% giá trị hợp đồng.

2.3. Công trình: Cải tạo mặt đê hữu sông Văn Úc đoạn từ Đền Gắm xã Toàn Thắng đến chùa Thắng Phúc xã Tiên Thắng

- Công trình được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng phê duyệt tại các Quyết định: Số 998/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật công trình; Số 1447/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo Kinh tế Kỹ thuật.

+ Tổng mức đầu tư: 2.644 triệu đồng (trong đó: Chi phí xây lắp: 2.219 triệu đồng; chi phí khác: 425 triệu đồng).

- Thời gian thực hiện: 2022-2023.
- Tình hình triển khai thi công: Đã thi công cơ bản hoàn thành.

II. Về kết quả thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021-2025

Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng báo cáo kết quả rà soát các tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định 1848/QĐ-UBND ngày 23/6/2022 của UBND phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 3042/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND thành phố của 05 xã: Tự Cường, Bạch Đằng, Hùng Thắng, Tây Hưng, Vinh Quang, như sau: *(Chi tiết tại phụ lục số 01.1, 01.2, 01.3, 02.1, 02.2, 02.3, 03.1, 03.2, 03.3, 04.1, 04.2, 04.3, 05.1, 05.2, 05.3 kèm theo).*

III. Đề xuất danh mục công trình xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu của 05 xã thực hiện năm 2023

Tổng số danh mục công trình của 05 xã là: 132 công trình, tổng kinh phí 619.184 triệu đồng, trong đó: Nguồn vốn đầu tư công nông thôn mới thành phố 593.330 triệu đồng; nguồn vốn đầu tư công phân cấp huyện 25.854 triệu đồng.

Số lượng danh mục công trình từng lĩnh vực cụ thể như sau:

- + Công trình giao thông: 97 công trình;
- + Công trình cải tạo trường học: 14 công trình;
- + Công trình cải tạo trạm y tế xã: 03 công trình;
- + Công trình cải tạo nhà văn hóa thôn: 13 công trình;
- + Xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 05 công trình.

Chi tiết danh mục công trình cụ thể của từng xã như sau.

1. Xã Tự Cường: Đề xuất 26 công trình, tổng kinh phí: 117.043 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 21 công trình, tổng chiều dài 10,886km:

+ Tuyến đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): Tổng chiều dài đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã loại 9,0m là 0,92km, trong đó đoạn từ Cầu Ngừ (Mỹ Ngự) đến cầu Bazan (1/2 tuyến bên phải) dài 0,68 km quy mô mặt đường 5,5m mới được đầu tư, nghiệm thu đưa vào sử dụng năm 2021. Để đảm bảo thực hiện đúng luật đầu tư công, tránh lãng phí và đảm bảo tiêu chí, UBND xã đề xuất làm tuyến đường đôi phía bên trái (lấy kênh trung thủy nông làm giải phân cách) nối liền xã Tiên Cường và xã Tự Cường quy mô mặt 5,5 m, dài 0,675km, sau khi đầu tư đạt tỷ lệ 73,36%.

+ Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): Đầu tư 03 tuyến tổng chiều dài 1,554 km đạt 48,46%;

Giải trình lý do chưa đạt tỷ lệ theo tiêu chí: Tổng chiều dài đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn loại 7,0m là 3,21km trong đó có 01 tuyến đường từ UBND xã đến nhà văn hóa thôn Sa Đông dài 1,6 km mới được đầu tư đưa vào sử dụng năm 2020, quy mô mặt 5.5m, do vậy UBND xã đề xuất không đầu tư tuyến đường này để đảm bảo thực hiện đúng luật đầu tư công, tránh lãng phí, khi nào tuyến đường xuống cấp sẽ đầu tư nâng cấp đảm bảo đúng quy hoạch và tiêu chí. Nên trong chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu chỉ đầu tư điện chiếu sáng, rãnh thoát nước qua khu dân cư.

+ Tuyến đường trục thôn (loại 5,5m): Đầu tư 06 tuyến tổng chiều dài 3,843km/6,556km đạt 58,62%.

+ Tuyến đường ngõ xóm (loại 3,5m): Đầu tư 10 tuyến tổng chiều dài 4,419km, số km đường đã đạt theo tiêu chí là 0,65km. Tổng chiều dài đường ngõ xóm sau đầu tư đạt tiêu chí là 5,069/9,582km tổng chiều dài toàn tuyến, đạt 52,9%

- Công trình cải tạo trường học: 03 công trình;
- Công trình cải tạo Trạm y tế xã: 01 công trình;
- Công trình xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 01 công trình.

(Biểu chi tiết số 01 kèm theo)

2. Xã Bạch Đằng: Đề xuất 29 công trình, tổng kinh phí: 125.396 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 19 công trình, tổng chiều dài 7,628 km:

+ Tuyến đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): Đầu tư 01 tuyến dài 1,275km/1,275km đạt 100%.

+ Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): Tổng chiều dài 3,58 km. Đầu tư 1 tuyến, tổng chiều dài 1,526 km, đã đạt tiêu chí 1,594km. Tổng chiều dài tuyến đường đạt tiêu chí 3,12km/3,58 km đạt tỷ lệ 87%.

+ Tuyến đường trục thôn (loại 5,5m): Hiện trạng gồm 7 tuyến đường, tổng chiều dài 1,528 km. Đầu tư 4 tuyến đường, tổng chiều dài 0,88km, tỷ lệ 57,6%

+ Tuyến đường ngõ xóm (loại 3,5m): Tổng chiều dài 7,06 km, đầu tư 13 tuyến dài 3,947 km, đạt tỷ lệ 55,9%.

- Công trình cải tạo trường học: 03 công trình;
- Công trình cải tạo Trạm y tế xã: 01 công trình;
- Công trình cải tạo nhà văn hóa thôn: 05 công trình;

- Công trình xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 01 công trình.

(Biểu chi tiết số 02 kèm theo)

3. Xã Tây Hưng: Đề xuất 21 công trình, tổng kinh phí: 114.257 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 12 công trình, tổng chiều dài 12,17km:

+ Đường trục chính từ trung tâm xã đến đường huyện và đường liên xã (loại 9m): Đầu tư 01 tuyến đường dài 0,79km/0,79km, đạt tỷ lệ 100%.

+ Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m) là 2,84km, thực hiện đầu tư 0,79km tuyến đường quy mô mặt đường 9m đảm bảo tiêu chí. Kết quả sau khi đầu tư đạt 27,8%.

Giải trình lý do chưa đạt tỷ lệ theo tiêu chí: Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m) là 2,84km, thực hiện đầu tư 0,79km tuyến đường quy mô mặt đường 9m đảm bảo tiêu chí. Kết quả sau khi đầu tư đạt 27,8%. Do trên địa bàn xã có 2,05km đường thuộc danh mục đường trục xã mới đầu tư năm 2019, quy mô mặt đường rộng 5,5m, rãnh thoát nước dài 1,6km, UBND xã đề xuất giữ nguyên hiện trạng mặt đường, chỉ đầu tư điện chiếu sáng và xây mới rãnh thoát nước đoạn còn lại qua khu dân cư. Tuy nhiên, trên địa bàn xã có tuyến đường nối từ cầu Lạng Am với đường bộ ven biển dài 1,9km chạy qua địa bàn kết nối với giao thông địa phương, mặt đường trên 7m, khi đầu tư xong sẽ hỗ trợ cho hệ thống giao thông của địa phương, như vậy tổng chiều dài các tuyến đường đạt tiêu chí 2,69/2,84 km, đạt tỷ lệ 95%.

+ Đường trục thôn (loại 5,5m): Hiện trạng gồm 5 tuyến đường, tổng chiều dài 6,88km. Đầu tư 04 tuyến đường, tổng chiều dài 4,88 km, đạt tỷ lệ 70,9%.

+ Đường ngõ xóm (loại 3,5m): Tổng chiều dài 11,64km, đầu tư 07 tuyến dài 6,5km, đạt tỷ lệ 55,84%.

- Công trình cải tạo trường học: 03 công trình;
- Công trình cải tạo Trạm y tế xã: 01 công trình;
- Công trình cải tạo nhà văn hóa thôn: 04 công trình;
- Công trình xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 01 công trình.

(Biểu chi tiết số 03 kèm theo)

4. Xã Hùng Thắng: Đề xuất 29 công trình, tổng kinh phí: 124.213 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 24 công trình, tổng chiều dài 12,507km;

+ Tuyến đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): UBND xã đề xuất không đầu tư.

Giải trình lý do không đầu tư: UBND xã Hùng Thắng một mặt tiếp giáp với tuyến đường huyện 212, tuyến đường đã được cải tạo nâng cấp với B mặt=11m là bê tông nhựa đảm bảo theo đúng tiêu chí.

+ Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): Tổng chiều dài 4,96 km, đã đạt tiêu chí 1,4km, đầu tư 01 tuyến dài 0,822km, tỷ lệ đạt 47,8%. Tuy nhiên, trên địa bàn xã có tuyến đường bộ ven biển đi qua địa bàn xã dài 4,63km đảm bảo quy mô mặt >7m sau khi tuyến đường được hoàn thành sẽ hỗ trợ giao thông trên địa bàn xã. Như vậy sau khi đầu tư và đưa vào hoạt động các tuyến đường trên thì xã Hùng thắng sẽ đảm bảo tỷ lệ tuyến đường loại 7m theo quy định.

+ Tuyến đường trục thôn (5,5m): Hiện trạng gồm 15 tuyến đường, tổng chiều dài 9,832 km. Đầu tư 7 tuyến đường; tổng chiều dài 5,547 km, tỷ lệ 56,41%.

+ Tuyến đường ngõ xóm (loại 3,5m): Tổng chiều dài 11,210 km, đầu tư 16 tuyến dài 6,138 km, đạt tỷ lệ 54,75%.

- Công trình cải tạo trường học: 02 công trình;
- Công trình cải tạo nhà văn hóa thôn: 01 công trình;
- Công trình xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 01 công trình.

(Biểu chi tiết số 04 kèm theo)

5. Vinh Quang: Đề xuất 28 công trình, tổng kinh phí: 138.275 triệu đồng, trong đó:

- Giao thông: 21 công trình, tổng chiều dài 22,99 km;

+ Tuyến đường trục chính từ đường huyện đến trung tâm xã và đường liên xã (loại 9m): UBND xã đề xuất không đầu tư.

Giải trình lý do không đầu tư: UBND xã Vinh Quang nằm trên tuyến đường 212, tuyến đường đã được cải tạo nâng cấp với B mặt=11m là bê tông nhựa đảm bảo theo đúng tiêu chí.

+ Tuyến đường trục chính từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn và đường liên thôn (loại 7m): Đầu tư 01 tuyến đường trục xã từ đường 212 đi nhà văn hóa thôn Đông Dưới (FMCR) dài 1,1km làm vỉa hè, rãnh thoát nước, điện chiếu sáng qua khu dân cư. Tổng chiều dài tuyến đường từ trung tâm xã đến trung tâm các thôn sau sáp nhập và đường liên thôn là 11,35km (xã Vinh Quang theo đề án sáp nhập thôn từ 15 thôn còn 10 thôn), đã đạt theo tiêu chí là 4km. Mặt khác trên địa bàn xã có tuyến đường bộ ven biển đi qua địa bàn xã dài 1,02 km đảm bảo quy mô

mặt >7m sau khi tuyến đường được hoàn thành sẽ hỗ trợ giao thông trên địa bàn xã. Tổng chiều dài đạt theo tiêu chí 6,12km/11,35km đạt 54%.

Giải trình lý do chưa đạt tỷ lệ theo tiêu chí: Do UBND xã Vinh Quang là đơn vị sáp nhập giữa 02 xã Vinh Quang và xã Tiên Hưng, do vậy xã Vinh Quang là xã có diện tích đất tự nhiên lớn nhất của huyện Tiên Lãng, các thôn nằm rải rác, cách xa nhau. Thực hiện kế hoạch sáp nhập thôn năm 2022, 2023; xã Vinh Quang từ 15 thôn còn 10 thôn gồm: Đồn Nam, Thái sinh, Chùa Dưới, Đông Dưới, Yên Vam, Kim Kỳ, Tân Thắng, Tân Quang, Hòa Bình, Duyên Hải. Bên cạnh đó, do một số tuyến đường thuộc danh mục đường 7m đã được phê duyệt chủ trương đầu tư bằng nguồn đầu tư công của huyện và nguồn vốn của dự án FMRC, để đảm bảo đúng quy định của Luật đầu tư công, nay UBND xã đề xuất không đầu tư bằng nguồn xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu

+ Tuyến đường trục thôn (5,5m): Tổng chiều dài 27,15 km đường trục thôn. Đầu tư cải tạo, nâng cấp 13 tuyến dài 17,57km, đạt tỷ lệ 64,7%

+ Tuyến đường ngõ xóm (loại 3,5m): Tổng chiều dài 37,52 km tuyến ngõ xóm. Đã đạt tiêu chí là 15,36 km nay đầu tư cải tạo, nâng cấp 07 tuyến, dài 4,32 km. Tổng chiều dài sau khi đầu tư xây dựng là 19,68km đạt tỷ lệ 52,45%

- Công trình cải tạo trường học: 03 công trình;
- Công trình cải tạo nhà văn hóa thôn: 03 công trình;
- Công trình xây dựng trạm xử lý nước thải sinh hoạt: 01 công trình.

(Biểu chi tiết số 05 kèm theo)

IV. Đề xuất, kiến nghị

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp ngày 03/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn huyện, các đơn vị tư vấn rà soát lại danh mục công trình đầu tư xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 xã. Với quan điểm triển khai đầu tư các công trình xây dựng nông thôn mới hiệu quả, tiết kiệm, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng sẽ chỉ đạo các đơn vị tư vấn thiết kế lập dự án sẽ khảo sát, tính toán thật sát với thực tế và các nhà thầu triển khai các biện pháp thi công đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, số kinh phí tiết kiệm được UBND huyện kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố, các sở ngành liên quan xem xét, đồng ý cho huyện Tiên Lãng sử dụng đầu tư vào Dự án xây dựng tuyến đường từ đường huyện vào Cụm công nghiệp xã Quang Phục để hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với số tiền khoảng 31.670 triệu đồng.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 03/TTr-UBND ngày 18/01/2023 và Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 13/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng về việc đề xuất danh mục công trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu tại 05 xã năm 2023 trên địa bàn huyện Tiên Lãng.

Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HU, TTHĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan: TC-KH, NN&PTNT, KT-HT, TN&MT, Ban QLDA, VPĐP NTM huyện;
- Lưu: VT, NN&PTNT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Thành Cường

